

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày 20-7-2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ - TỈNH HƯNG YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Diệt và Ông Bùi Đăng Ban
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 10/2017/TLST-DS ngày 19/12/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 15/6/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị N, sinh năm 1962; có mặt.
Ông Trần Đoàn L, sinh năm 1965; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà 2K2 Ph, TT Tr, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đoàn L: Bà Trần Thị N (là vợ - văn bản ủy quyền ngày 27/10/2016).

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, TT Tr, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn, bà Trần Thị N trình bày:

Từ ngày 28/6/2012 đến ngày 30/01/2013, vợ chồng bà N ông L có cho vợ chồng ông Trần Duy Đ bà Nguyễn Thị V vay số tiền 1.870.000.000 đồng, chia làm 05 lần, cụ thể:

- Ngày 28/6/2012 số tiền vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 1,5 hàng tháng, không ghi hạn trả;
- Ngày 04/7/2012 số tiền vay 140.000.000 đồng, lãi suất 1,5 hàng tháng, không ghi hạn trả;
- Ngày 05/7/2012 số tiền vay 300.000.000 đồng, lãi suất 1,5 hàng tháng, không ghi hạn trả;
- Ngày 13/7/2012 số tiền vay 220.000.000 đồng, lãi suất 1,5 hàng tháng, không ghi hạn trả;
- Ngày 30/01/2013 số tiền vay 210.000.000 đồng, lãi suất 1,2 hàng tháng, hạn trả 30/3/2013;

Theo nội dung giấy vay tiền, các bên có thỏa thuận về lãi, hạn trả, có chữ ký của vợ chồng ông Đ bà V, trang phía sau của các giấy vay tiền ghi chép số tiền các lần trả lãi và gốc, có chữ ký của ông Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã trả được tổng số tiền gốc và lãi là 834.901.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 218.145.000 đồng, tiền lãi là 616.756.000 đồng).

Tháng 6/2015, do ông Đ bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N ông L có làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ để yêu cầu ông Đ bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên khi đang giải quyết thì ông Đ ốm chết, vợ chồng ông L bà N đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau nhiều lần đòi tiền bà V không được, nay vợ chồng ông L bà N tiếp tục khởi kiện, ông L đã ủy quyền cho bà N khởi kiện yêu cầu bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền đã vay, tự nguyện không yêu cầu trả lãi tính đến ngày xét xử, toàn bộ số tiền đã nhận, được trừ vào số tiền gốc đã cho vay.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông Đ là vợ chồng, thời gian ông Đ còn sống, vợ chồng có vay tiền của nhiều người để lấy vốn kinh doanh thức ăn chăn nuôi, số tiền vay của ai, bao nhiêu, đến nay bà không nhớ, bà xác định cùng chồng có ký vào các giấy vay tiền của bà N ông L.

Tháng 7/2015, ông Đ ốm chết không để lại di chúc, tài sản của vợ chồng bà không còn gì, nhà đất của vợ chồng đều đã thế chấp vào Ngân hàng trước đó để vay vốn làm ăn, Công ty TNHH Trần Duy Đ do ông Đ thành lập cũng ngừng hoạt động và không có người đại diện, bản thân bà sức khỏe kém, không có khả năng lao động.

Đối với khoản tiền vay của bà N ông L, bà V nhận trách nhiệm trả nợ, tuy nhiên bà xin khất nợ để trả dần, bà không nhớ cụ thể số tiền còn nợ lại là bao nhiêu, cũng không có giấy tờ, tài liệu gì xuất trình đối với các khoản đã vay, chỉ thừa nhận có ký vào các giấy vay tiền với tư cách là người thừa kế.

Người làm chứng, anh Trần Duy P trình bày:

Bố anh là Trần Duy Đ, bố mẹ sinh được 03 người con, anh là con thứ 2. Khi bố anh còn sống có tham gia vay nợ với những ai, anh không biết, giữa anh và bố mẹ độc lập về kinh tế, nên anh không liên quan đến các khoản vay nợ của bố mẹ. Khi bố anh mất, không Đ lại tài sản gì cho con, không có di chúc và không dặn dò gì đối với anh.

Hai người con khác của ông Đ bà V là Trần Thị H và Trần Thị D mặc dù được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền đã vay, trừ đi số tiền gốc và lãi đã nhận, cụ thể $1.870.000.000 - 834.901.000 = 1.035.099.000$ đồng.

Bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 471, 474 và khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 25 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn lại.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Đoàn L cùng vợ là bà Trần Thị N là người trực tiếp cho vợ chồng ông Trần Duy Đ và bà Nguyễn Thị V vay tiền, nay ông L ủy quyền cho bà N khởi kiện, vì vậy ông L và bà N cùng tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, đồng thời bà N là người đại diện của ông L, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị V được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông L bà N với vợ chồng ông Đ bà V được giao kết phù hợp các với nguyên tắc của Bộ luật dân sự, vì vậy có hiệu lực đối với các bên. Thời điểm xác lập giao dịch dân sự là năm 2012-2013, do đó cần áp dụng các quy định của pháp luật tại thời điểm đó để giải quyết.

Các bên đương sự đều thừa nhận có giao dịch vay tiền, theo đó vợ chồng ông Đ bà V đã 05 lần vay tiền của vợ chồng ông L bà N với tổng số tiền là 1.870.000.000 đồng, thể hiện tại các giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của các bên, cũng theo nội dung các giấy vay tiền, tính đến nay đã hết thời hạn cho vay và bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù bà V không xác định được số tiền đã vay, đã trả là bao nhiêu, nhưng bà V thừa nhận chữ ký của mình tại các văn bản đó, cùng với việc bà V thừa nhận nghĩa vụ trả nợ tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2018, biên bản hòa giải ngày 11/01/2018, biên bản lấy lời khai khi ông Đ còn sống ngày 03/7/2015, ngày 10/7/2015 (BL 28, 29, 40, 41). Nay ông Đ đã mất, thỏa thuận vay tiền là khoản vay chung vợ chồng, do đó, bà V phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với khoản nợ chung của vợ chồng và phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông L bà N số tiền đã vay theo quy định tại các Điều 471 là 474 của Bộ luật Dân sự 2005.

Do nguyên đơn tự nguyện trừ tất cả số tiền lãi và gốc đã nhận vào khoản tiền gốc đã cho bị đơn vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận và số tiền còn lại được xác định như sau:

- Tại giấy vay tiền ngày 28/6/2012, vay 1.000.000.000 đồng, đã trả lãi 377.000.000 đồng, còn lại 623.000.000 đồng.
- Tại giấy vay tiền ngày 4/7/2012, vay 140.000.000 đồng, đã trả lãi 49.000.000 đồng, còn lại 91.000.000 đồng.
- Tại giấy vay tiền ngày 5/7/2012, vay 300.000.000 đồng, đã trả lãi + gốc 315.145.000 đồng, còn lại -15.145.000 đồng.
- Tại giấy vay tiền ngày 13/7/2012, vay 220.000.000 đồng, đã trả lãi 73.700.000 đồng, còn lại 146.300.000 đồng.
- Tại giấy vay tiền ngày 30/01/2013, vay 210.000.000 đồng, đã trả lãi 20.056.000 đồng, còn lại 189.944.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn còn phải trả là 1.035.099.000 đồng.

[3] Về ý kiến của bị đơn xin được trả nợ dần, tuy nhiên không đưa ra được kế hoạch trả nợ cụ thể và nguyên đơn không đồng ý, do đó không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trần Đoàn L và bà Trần Thị N, buộc bị đơn, bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền 1.035.099.000 đồng (*Một tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, không trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn, bà Nguyễn Thị V phải chịu 43.052.970 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

- Trả lại bà Trần Thị N số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005552 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt được tính tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Phụng